

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 201/2023/DS-PT
Ngày: 15-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
và hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu;

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 137/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị M, sinh năm: 1953. Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn K, sinh năm: 1957. Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An. Theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2023.

- **Bị đơn:** Ông Lê Hoàng D, sinh năm: 1977 và bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1978. Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1942. Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An.

- **Người kháng cáo:** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn ông Huỳnh Tấn K trình bày:*

Vào ngày 17/02/2022, bà Trần Thị Ngọc T và chồng là ông Lê Hoàng D có vay của bà Trần Thị M số tiền 700.000.000 đồng để làm vốn mua bán, hạn 3 tháng trả, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Ông Trần Văn Q là cha của bà Trần Thị Ngọc T có cam kết bảo lãnh số nợ trên cho bà T và ông D. Khi vay các bên có làm biên nhận nợ, có chữ ký đầy đủ của các bên. Nay khoản vay đã quá hạn mà bà T, ông D, vẫn không trả, nên bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu bà T, ông D và ông Q có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà M số tiền gốc là 700.000.000 đồng, và tiền lãi suất tính từ ngày 17/8/2022 cho đến ngày 27/02/2023 là ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 20% năm tính từ ngày 17/8/2022 cho đến ngày xét xử và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Lê Hoàng D và bà Trần Thị Ngọc T trình bày:*

Vào ngày 17/02/2022, ông, bà có vay của bà M 700.000.000 đồng và ông Trần Văn Q là cha ruột của bà T đứng ra bảo lãnh, đúng như lời trình của người đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày. Nay ông D, bà T đồng ý trả tiền nợ gốc cho bà M là 700.000.000 đồng. Tuy nhiên do hiện nay ông, bà gặp khó khăn, không có tiền để trả nợ. Ông bà xin bà M không tính lãi và cho trả dần số tiền gốc mỗi năm trả 30.000.000đ trả cho đến khi hết nợ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q:* Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm không có ý kiến và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với ông D, bà T, ông Q.

Buộc ông Lê Hoàng D, bà Trần Thị Ngọc T, ông Trần Văn Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị M số tiền nợ gốc và lãi là: 774.037.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm ba mươi bảy ngàn) đồng (Trong đó gốc là 700.000.000đ lãi là 74.037.000đ).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hoàng D, bà Trần Thị Ngọc T, ông Trần Văn Q phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.961.000 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi một ngàn đồng).

Bà Trần Thị M là người cao tuổi có đơn xin miễn tạm ứng án phí đã được miễn tạm ứng án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 10/3/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q kháng cáo không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể là ông không đồng ý liên đới cùng ông D và bà T trả tiền cho bà Trần Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Trần Văn Q có đơn yêu cầu được miễn án phí.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Q đủ điều kiện để xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ giấy nhận nợ ngày 17/02/2022 thì có cơ sở xác định ông Trần Văn Q bảo lãnh khoản nợ 700.000.000 đồng mà ông Lê Hoàng D và bà Trần Thị Ngọc T đã vay của bà Trần Thị M. Do đó, bản án sơ thẩm đã buộc ông Q phải liên đới với ông D và bà T trả nợ cho bà M là có cơ sở. Ông Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không buộc ông liên đới cùng ông D và bà T trả nợ cho bà M nhưng không được phía bà M đồng ý, nên không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, ông Trần Văn Q là người cao tuổi, tại cấp phúc thẩm có đơn xin miễn án phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Q, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Q được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Q: Ông Q không đồng ý liên đới cùng với ông Lê Hoàng D, bà Trần Thị Ngọc T trả nợ cho bà Trần Thị M, với lý do ông D, bà T có đủ khả năng trả nợ cho bà M. Mặt khác, ông Q cho rằng ông cũng không sử dụng số tiền vay trên.

[3] Xét thấy, vợ chồng ông D, bà T thống nhất thừa nhận có vay của bà M số tiền 700.000.000 đồng để làm vốn mua bán, lãi suất thỏa thuận là 3% tháng, ông Q đã ký tên và ghi họ tên tại mục người bảo lãnh. Tại Biên nhận mượn nợ ngày 17/02/2022, ông Q đã ghi: “Tôi tên Trần Văn Q tôi nhận bảo lãnh cho con tôi số tiền nêu trên là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) nếu sau này con tôi không có trả thì tôi chịu trả số tiền nêu trên”. Do đó, có cơ sở để xác định ông Q là người bảo lãnh số nợ trên cho ông D và bà T.

[4] Theo Điều 335 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. 2. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.”.

[5] Theo Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định: “1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó. 2. Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại.”.

[6] Như vậy, theo quy định trên, đến hạn trả nợ mà phía được bảo lãnh (bà Trần Thị Ngọc T và ông Lê Hoàng D) không trả được nợ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của bên có quyền (bà Trần Thị M). Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm thì người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Huỳnh Tấn K yêu cầu ông D, bà T và ông Q liên đới trả nợ cho bà M số tiền gốc và lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D, bà T và ông Q liên đới trả cho bà M số tiền gốc và lãi là có cơ sở. Tuy nhiên, phần quyết định không áp dụng Điều 335, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 là căn cứ để buộc ông Q liên đới trả nợ là có thiếu sót, cần sửa án sơ thẩm về áp dụng pháp luật. Đồng thời bổ sung thêm quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng bảo lãnh”.

[7] Ông Q kháng cáo không đồng ý liên đới cùng ông D và bà T trả nợ cho bà M nhưng không được phía bà M đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Q, giữ nguyên phần quyết định về trách nhiệm liên đới trả nợ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại cấp phúc thẩm, ông Q có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Q được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (11.653.000 đồng) theo điểm đ khoản 1 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Hoàng D, bà Trần Thị Ngọc T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.307.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Q.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 335, Điều 342, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh” đối với ông Lê Hoàng D, bà Trần Thị Ngọc T, ông Trần Văn Q.

Buộc ông Lê Hoàng D, bà Trần Thị Ngọc T, ông Trần Văn Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị M số tiền nợ gốc và lãi là: 774.037.000 đồng (bảy trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm ba mươi bảy ngàn) đồng (trong đó gốc là 700.000.000đ và lãi là 74.037.000đ).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hoàng D, bà Trần Thị Ngọc T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.307.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng). Ông Trần Văn Q được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Q không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Văn Q số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0010596 ngày 10/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Uẩn